

Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa – Vũng Tàu  
 Kỳ thi: Tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026  
 Khóa ngày: 5-7/6/2025  
 Hội đồng: THPT Hòa Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
**BẢNG GHI ĐIỂM THI**

| TT | SBD    | Họ và tên             | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường       | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|----|--------|-----------------------|----|------------|-----------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|    |        |                       |    |            |                       | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 1  | 630001 | Nguyen Adrian         |    | 19/01/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.75     | 9.00 | 8.50      | 23.25                 |
| 2  | 630002 | Trần Hồ Thúy An       | x  | 24/07/2010 | THCS Bàu Lâm          | 7.00     | 8.50 | 8.25      | 23.75                 |
| 3  | 630003 | Phan Thị Thuý An      | x  | 13/01/2010 | THCS Tân Lâm          | 6.75     | 8.75 | 5.75      | 21.25                 |
| 4  | 630004 | Võ Văn An             |    | 05/05/2010 | THCS Bàu Lâm          | 4.75     | 8.50 | 5.75      | 19.00                 |
| 5  | 630005 | Nguyễn Duy Anh        |    | 25/02/2009 | THCS Bàu Lâm          | 4.25     | 3.50 | 3.00      | 10.75                 |
| 6  | 630006 | Lê Đức Anh            |    | 02/08/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.00     | 9.00 | 7.50      | 22.50                 |
| 7  | 630007 | Nguyễn Hoài Trâm Anh  | x  | 01/01/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 7.00     | 6.00 | 8.50      | 21.50                 |
| 8  | 630008 | Phạm Kim Anh          | x  | 30/12/2010 | THCS Tân Lâm          | 4.50     | 6.75 | 4.50      | 15.75                 |
| 9  | 630009 | Nguyễn Lan Anh        | x  | 16/12/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.25     | 7.00 | 6.00      | 19.25                 |
| 10 | 630010 | Nguyễn Ngọc Anh       | x  | 06/06/2009 | THCS Tân Lâm          | 3.50     | 5.00 | 6.00      | 14.50                 |
| 11 | 630011 | Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh | x  | 11/01/2010 | THCS Bàu Lâm          | 5.25     | 3.75 | 2.50      | 11.50                 |
| 12 | 630012 | Nguyễn Ngọc Trâm Anh  | x  | 03/11/2010 | THCS Bàu Lâm          | 5.50     | 7.75 | 5.50      | 18.75                 |
| 13 | 630013 | Thạch Nguyễn Trâm Anh | x  | 21/03/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 3.00     | 1.25 | 2.50      | 7.75                  |
| 14 | 630014 | Lê Nguyễn Trần Anh    |    | 03/10/2010 | THCS Bàu Lâm          | 4.00     | 3.75 | 2.75      | 10.50                 |
| 15 | 630015 | Đỗ Nhật Lan Anh       | x  | 26/06/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.75     | 5.00 | 6.25      | 16.00                 |
| 16 | 630016 | Phạm Quỳnh Anh        | x  | 11/08/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.50     | 7.25 | 5.50      | 19.25                 |
| 17 | 630017 | Phạm Thị Kim Anh      | x  | 28/05/2010 | THCS Hoà Hưng         | 7.25     | 8.75 | 5.25      | 21.25                 |
| 18 | 630018 | Nguyễn Thị Minh Anh   | x  | 15/07/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 7.00     | 5.50 | 7.50      | 20.00                 |
| 19 | 630019 | Trương Thị Quỳnh Anh  | x  | 05/12/2009 | THCS Bàu Lâm          | 5.50     | 1.00 | 2.25      | 8.75                  |
| 20 | 630020 | Cao Thủy Anh          | x  | 04/07/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.25     | 8.00 | 7.75      | 22.00                 |
| 21 | 630021 | Nguyễn Tuấn Anh       |    | 14/11/2010 | THCS Tân Lâm          | 5.50     | 8.50 | 6.75      | 20.75                 |
| 22 | 630022 | Nguyễn Văn Anh        |    | 01/07/2010 | THCS Tân Lâm          | 4.00     | 7.75 | 2.25      | 14.00                 |
| 23 | 630023 | Nguyễn Thị Khả Ái     | x  | 19/07/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 7.50     | 8.50 | 7.50      | 23.50                 |
| 24 | 630024 | Bùi Thị Ngọc Ánh      | x  | 21/09/2010 | THCS Tân Lâm          | 4.00     | 5.75 | 1.75      | 11.50                 |
| 25 | 630025 | Nguyễn Thiên Ân       |    | 20/09/2009 | THCS Quang Trung (XM) | 4.25     | 8.75 | 3.50      | 16.50                 |
| 26 | 630026 | Nguyễn Chí Bảo        |    | 04/11/2010 | THCS Bàu Lâm          | 5.50     | 3.00 | 2.50      | 11.00                 |
| 27 | 630027 | Cao Gia Bảo           |    | 18/11/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.00     | 6.25 | 3.50      | 15.75                 |
| 28 | 630028 | Đặng Gia Bảo          |    | 10/12/2010 | THCS Tân Lâm          | 5.00     | 8.25 | 2.25      | 15.50                 |
| 29 | 630029 | Tổng Gia Bảo          |    | 16/02/2010 | THCS Tân Lâm          | 4.00     | 8.50 | 2.75      | 15.25                 |

| TT | SBD    | Họ và tên              | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường       | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|----|--------|------------------------|----|------------|-----------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|    |        |                        |    |            |                       | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 30 | 630030 | Trần Gia Bảo           |    | 22/11/2010 | THCS Tân Lâm          | 5.50     | 6.25 | 3.50      | 15.25                 |
| 31 | 630031 | Nguyễn Hoàng Gia Bảo   |    | 18/10/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 3.00     | 3.50 | 2.50      | 9.00                  |
| 32 | 630032 | Phạm Hoàng Quốc Bảo    |    | 12/09/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.00     | 5.50 | 5.00      | 14.50                 |
| 33 | 630033 | Nguyễn Hồng Gia Bảo    |    | 03/01/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.00     | 4.75 | 3.75      | 13.50                 |
| 34 | 630034 | Lê Hữu Bảo             |    | 18/01/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.00     | 8.00 | 5.75      | 19.75                 |
| 35 | 630035 | Phan Khắc Gia Bảo      |    | 10/03/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.00     | 6.00 | 4.75      | 15.75                 |
| 36 | 630036 | Đặng Lưu Thiên Bảo     |    | 17/02/2009 | THCS Quang Trung (XM) | 4.50     | 4.75 | 2.00      | 11.25                 |
| 37 | 630037 | Nguyễn Việt Ngọc Bảo   |    | 03/06/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 7.00     | 9.00 | 9.25      | 25.25                 |
| 38 | 630038 | Nguyễn Đình Bảo        |    | 26/03/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.50     | 8.50 | 6.75      | 21.75                 |
| 39 | 630039 | Trần Diệu Nhật Bình    | x  | 26/01/2010 | THCS Tân Lâm          | 6.75     | 8.25 | 4.00      | 20.00                 |
| 40 | 630040 | Vũ Ngọc Bình           |    | 08/03/2009 | THCS Bàu Lâm          | 4.25     | 5.50 | 4.25      | 14.00                 |
| 41 | 630041 | Nguyễn Thanh Bình      |    | 12/03/2010 | THCS Bàu Lâm          | 4.00     | 6.75 | 3.50      | 14.25                 |
| 42 | 630042 | Thái Thanh Bình        | x  | 02/09/2010 | THCS Tân Lâm          | 6.25     | 8.75 | 5.75      | 20.75                 |
| 43 | 630043 | Nguyễn Ngọc Bảo Châu   | x  | 20/12/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.00     | 6.50 | 4.25      | 15.75                 |
| 44 | 630044 | Trần Nhật Cường        |    | 11/08/2010 | THCS Tân Lâm          | 7.00     | 8.25 | 2.25      | 17.50                 |
| 45 | 630045 | Mai Quốc Cường         |    | 27/03/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.75     | 7.50 | 5.50      | 17.75                 |
| 46 | 630046 | Nguyễn Quốc Cường      |    | 05/06/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.00     | 6.00 | 5.25      | 16.25                 |
| 47 | 630047 | Trương Phạm Kiều Diễm  | x  | 09/04/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.50     | 8.25 | 8.00      | 22.75                 |
| 48 | 630048 | Lê Thùy Dung           | x  | 28/09/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.50     | 6.00 | 5.50      | 18.00                 |
| 49 | 630049 | Lê Đình Duy            |    | 05/08/2009 | THCS Bàu Lâm          | 3.75     | 3.00 | 5.00      | 11.75                 |
| 50 | 630050 | Phạm Khánh Duy         |    | 27/05/2010 | THCS Tân Lâm          | 4.25     | 4.25 | 4.00      | 12.50                 |
| 51 | 630051 | Phan Thanh Duy         |    | 28/03/2010 | THCS Bàu Lâm          | 5.50     | 3.00 | 3.00      | 11.50                 |
| 52 | 630052 | Trần Thái Duy          |    | 25/06/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 3.50     | 1.75 | 3.25      | 8.50                  |
| 53 | 630053 | Lê Văn Duy             |    | 05/08/2010 | THCS Bàu Lâm          | 2.00     | 1.75 | 1.75      | 5.50                  |
| 54 | 630054 | Ngô Hoàng Thảo Duyên   | x  | 12/06/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.75     | 6.50 | 6.00      | 19.25                 |
| 55 | 630055 | Nguyễn Ngọc Kỳ Duyên   | x  | 05/08/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.25     | 9.00 | 8.50      | 22.75                 |
| 56 | 630056 | Văn Tiến Dũng          |    | 13/04/2010 | THCS Bàu Lâm          | 8.00     | 9.00 | 8.00      | 25.00                 |
| 57 | 630057 | Dương Tuấn Dũng        |    | 28/03/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.50     | 5.50 | 4.50      | 14.50                 |
| 58 | 630058 | Lê Điền Dư             |    | 25/11/2010 | THCS Bàu Lâm          | 2.75     | 5.25 | 3.75      | 11.75                 |
| 59 | 630059 | Võ Lê Thùy Dương       | x  | 01/04/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.75     | 6.00 | 4.25      | 15.00                 |
| 60 | 630060 | Thái Minh Dương        |    | 08/12/2010 | THCS Tân Lâm          | 5.25     | 9.50 | 4.00      | 18.75                 |
| 61 | 630061 | Nguyễn Ngọc Thùy Dương | x  | 27/05/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.50     | 4.00 | 2.75      | 13.25                 |
| 62 | 630062 | Lê Thị Thùy Dương      | x  | 09/12/2010 | THCS Bàu Lâm          | 3.25     | 5.00 | 2.00      | 10.25                 |

| TT | SBD    | Họ và tên             | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường       | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|----|--------|-----------------------|----|------------|-----------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|    |        |                       |    |            |                       | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 63 | 630063 | Lương Thị Thùy Dương  | x  | 07/10/2010 | THCS Bàu Lâm          | 5.75     | 5.50 | 4.50      | 15.75                 |
| 64 | 630064 | Quách Thị Vin Đa      | x  | 28/07/2010 | THCS Tân Lâm          | 4.75     | 6.25 | 3.25      | 15.25                 |
| 65 | 630065 | Nguyễn Ngọc Nhã Đan   | x  | 21/01/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 3.50     | 4.50 | 2.75      | 10.75                 |
| 66 | 630066 | Phạm Ngọc Đại         |    | 11/12/2009 | THCS Bàu Lâm          | 4.00     | 0.25 | 2.00      | 6.25                  |
| 67 | 630067 | Nguyễn Thành Đạt      |    | 04/06/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.00     | 7.00 | 5.25      | 17.25                 |
| 68 | 630068 | Nguyễn Ngọc Diệp      |    | 11/11/2008 | THCS Bàu Lâm          | 6.00     | 3.00 | 4.25      | 13.25                 |
| 69 | 630069 | Nguyễn Hoàng Định     |    | 11/05/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 3.50     | 1.75 | 2.50      | 7.75                  |
| 70 | 630070 | Đặng Đồi              |    | 30/03/2010 | THCS Bàu Lâm          | 5.75     | 7.75 | 3.75      | 17.25                 |
| 71 | 630071 | Nguyễn Công Đức       |    | 09/12/2009 | THCS Quang Trung (XM) | 4.25     | 5.75 | 4.50      | 14.50                 |
| 72 | 630072 | Văn Tiến Đức          |    | 01/09/2010 | THCS Hoà Hưng         | 4.25     | 8.50 | 5.00      | 17.75                 |
| 73 | 630073 | Đào Trọng Đức         |    | 31/03/2010 | THCS Bàu Lâm          | 7.25     | 9.00 | 8.00      | 24.25                 |
| 74 | 630074 | Nguyễn Văn Anh Đức    |    | 07/03/2010 | THCS Tân Lâm          | 5.75     | 9.00 | 5.50      | 20.25                 |
| 75 | 630075 | Ngô Huỳnh Giao        | x  | 18/07/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.00     | 6.00 | 5.50      | 17.50                 |
| 76 | 630076 | Nguyễn Thị Ngọc Hà    | x  | 01/11/2009 | THCS Hoà Hưng         | 6.25     | 6.75 | 2.25      | 15.25                 |
| 77 | 630077 | Lý Văn Hà             |    | 18/11/2009 | THCS Bàu Lâm          | 3.75     | 2.50 | 3.00      | 10.25                 |
| 78 | 630078 | Võ Văn Hà             |    | 27/01/2010 | THCS Tân Lâm          | 3.25     | 5.25 | 2.00      | 10.50                 |
| 79 | 630079 | Lê Vũ Minh Hà         | x  | 30/04/2009 | THCS Bàu Lâm          | 6.75     | 7.75 | 5.50      | 20.00                 |
| 80 | 630080 | Nguyễn Bá Hải         |    | 28/01/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 7.75     | 8.50 | 9.25      | 25.50                 |
| 81 | 630081 | Nguyễn Đình Hải       |    | 18/07/2010 | THCS Bàu Lâm          | 2.75     | 5.25 | 3.25      | 11.25                 |
| 82 | 630082 | Nguyễn Đình Hải       |    | 01/07/2010 | THCS Hoà Hưng         | 5.00     | 5.50 | 2.00      | 12.50                 |
| 83 | 630083 | Nguyễn Văn Hải        |    | 06/04/2008 | THCS Bàu Lâm          |          |      |           | 0.00                  |
| 84 | 630084 | Hồ Thị Thu Hằng       | x  | 17/06/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 2.25     | 5.25 | 4.25      | 11.75                 |
| 85 | 630085 | Trang Ngọc Hân        | x  | 28/07/2010 | THCS Bàu Lâm          | 5.75     | 6.50 | 5.50      | 17.75                 |
| 86 | 630086 | Trần Ngọc Hân         | x  | 12/12/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 3.75     | 7.00 | 3.50      | 14.25                 |
| 87 | 630087 | Huỳnh Ngọc Gia Hân    | x  | 03/08/2010 | THCS Hoà Hưng         | 5.00     | 5.50 | 1.25      | 11.75                 |
| 88 | 630088 | Lê Quang Hậu          |    | 29/10/2010 | THCS Hoà Hưng         | 3.00     | 3.00 | 3.00      | 9.00                  |
| 89 | 630089 | Lê Minh Hiền          | x  | 28/02/2010 | THCS Bàu Lâm          | 5.00     | 4.25 | 4.25      | 13.50                 |
| 90 | 630090 | Chiu Mỹ Hiền          | x  | 25/12/2010 | THCS Bàu Lâm          | 7.25     | 6.50 | 5.00      | 19.75                 |
| 91 | 630091 | Nguyễn Thị Thanh Hiền | x  | 10/09/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.75     | 7.75 | 7.00      | 21.50                 |
| 92 | 630092 | Đào Thị Thu Hiền      | x  | 11/07/2009 | THCS Bàu Lâm          | 2.25     | 2.25 | 3.00      | 7.50                  |
| 93 | 630093 | Lê Văn Hiền           |    | 08/12/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.75     | 9.00 | 5.75      | 21.50                 |
| 94 | 630094 | Lê Đoàn Anh Hiếu      |    | 04/05/2010 | THCS Bàu Lâm          | 4.00     | 5.25 | 4.00      | 13.25                 |
| 95 | 630095 | Nguyễn Quang Hiếu     |    | 01/02/2010 | THCS Hoà Hưng         | 5.25     | 7.75 | 0.75      | 13.75                 |

| TT  | SBD    | Họ và tên             | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường       | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|-----|--------|-----------------------|----|------------|-----------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|     |        |                       |    |            |                       | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 96  | 630096 | Đặng Toàn Hiếu        |    | 23/04/2010 | THCS Bàu Lâm          | 3.00     | 1.50 | 1.50      | 6.00                  |
| 97  | 630097 | Nguyễn Trung Hiếu     |    | 18/06/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.25     | 9.00 | 8.50      | 23.75                 |
| 98  | 630098 | Hồ Đắc Thị Hoa        | x  | 27/03/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.75     | 6.25 | 5.75      | 18.75                 |
| 99  | 630099 | Nguyễn Thị Hoa        | x  | 06/06/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 2.50     | 1.25 | 3.50      | 7.25                  |
| 100 | 630100 | Phạm Tấn Hoài         |    | 22/06/2010 | THCS Tân Lâm          | 4.25     | 3.50 | 1.50      | 9.25                  |
| 101 | 630101 | Hoàng Thị Ngọc Hoài   | x  | 23/01/2010 | THCS Tân Lâm          | 6.00     | 9.00 | 4.50      | 19.50                 |
| 102 | 630102 | Phạm Văn Hoàng        |    | 01/05/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.75     | 4.75 | 4.00      | 13.50                 |
| 103 | 630103 | Trương Gia Hòa        |    | 02/09/2010 | THCS Tân Lâm          | 7.00     | 9.00 | 3.25      | 20.25                 |
| 104 | 630104 | Nguyễn Thị Hòa        | x  | 23/11/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.00     | 8.00 | 3.75      | 17.75                 |
| 105 | 630105 | Đỗ Đặng Ánh Hồng      | x  | 11/02/2010 | THCS Hoà Hưng         | 7.00     | 8.00 | 3.75      | 18.75                 |
| 106 | 630106 | Nguyễn Thị Minh Huệ   | x  | 08/05/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.00     | 7.50 | 4.50      | 17.00                 |
| 107 | 630107 | Nguyễn Thị Kim Huệ    | x  | 28/03/2010 | THCS Tân Lâm          | 3.25     | 3.75 | 2.50      | 9.50                  |
| 108 | 630108 | Nguyễn Đình Nhật Huy  |    | 29/11/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.50     | 7.00 | 5.50      | 17.00                 |
| 109 | 630109 | Huỳnh Gia Huy         |    | 01/11/2010 | THCS Tân Lâm          | 5.50     | 7.50 | 0.75      | 13.75                 |
| 110 | 630110 | Phạm Hoàng Gia Huy    |    | 06/01/2010 | THCS Tân Lâm          | 4.50     | 9.00 | 4.50      | 18.00                 |
| 111 | 630111 | Hồ Kiến Huy           |    | 17/05/2009 | THCS Quang Trung (XM) | 4.25     | 2.50 | 3.00      | 9.75                  |
| 112 | 630112 | Trần Minh Huy         |    | 18/10/2010 | THCS Bàu Lâm          | 3.00     | 7.25 | 4.00      | 14.25                 |
| 113 | 630113 | Lê Quang Nhật Huy     |    | 29/08/2010 | THCS Hoà Hưng         | 5.75     | 4.50 | 2.25      | 12.50                 |
| 114 | 630114 | Cáp Xuân Lâm Huy      |    | 17/03/2010 | THCS Bàu Lâm          | 7.75     | 8.75 | 6.25      | 22.75                 |
| 115 | 630115 | Nguyễn Quang Hưng     |    | 07/01/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.50     | 9.25 | 9.25      | 24.00                 |
| 116 | 630116 | Nguyễn Văn Hưng       |    | 24/11/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 7.00     | 8.50 | 5.75      | 21.25                 |
| 117 | 630117 | Lê Xuân Hưng          |    | 20/07/2010 | THCS Bàu Lâm          | 2.75     | 6.00 | 6.25      | 15.00                 |
| 118 | 630118 | Nguyễn Thị Diễm Hương | x  | 18/02/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.00     | 8.50 | 6.25      | 20.75                 |
| 119 | 630119 | Lê Thị Ngọc Hương     | x  | 14/08/2010 | THCS Tân Lâm          | 5.25     | 3.00 | 2.25      | 10.50                 |
| 120 | 630120 | Nguyễn Đăng Hường     |    | 10/05/2010 | THCS Bàu Lâm          | 3.00     | 3.00 | 1.50      | 7.50                  |
| 121 | 630121 | Phan Nhật Khang       |    | 22/03/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.75     | 7.00 | 7.00      | 20.75                 |
| 122 | 630122 | Nguyễn Tấn Khang      |    | 25/10/2009 | THCS Hoà Hưng         | 2.25     | 5.50 | 1.00      | 8.75                  |
| 123 | 630123 | Lê Trịnh Gia Khang    |    | 02/10/2010 | THCS Hoà Hưng         | 5.75     | 5.25 | 2.50      | 13.50                 |
| 124 | 630124 | Đào Vĩnh Khang        |    | 03/02/2010 | THCS Hoà Hưng         | 5.75     | 8.00 | 7.75      | 21.50                 |
| 125 | 630125 | Đoàn Thanh Khải       |    | 22/07/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 3.25     | 6.00 | 3.50      | 12.75                 |
| 126 | 630126 | Lê Văn Khải           |    | 21/03/2010 | THCS Bàu Lâm          | 2.25     | 6.00 | 2.75      | 11.00                 |
| 127 | 630127 | Nguyễn Bùi Đăng Khoa  |    | 07/10/2010 | THCS Tân Lâm          | 3.75     | 4.25 | 2.50      | 10.50                 |
| 128 | 630128 | Nguyễn Đăng Khoa      |    | 15/12/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.00     | 8.00 | 7.00      | 21.00                 |

| TT  | SBD    | Họ và tên              | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường       | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|-----|--------|------------------------|----|------------|-----------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|     |        |                        |    |            |                       | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 129 | 630129 | Trần Đăng Khoa         |    | 19/04/2009 | THCS Quang Trung (XM) | 5.25     | 2.00 | 2.25      | 9.50                  |
| 130 | 630130 | Nguyễn Hải Đăng Khoa   |    | 20/04/2010 | THCS Tân Lâm          | 3.75     | 4.75 | 3.25      | 12.75                 |
| 131 | 630131 | Nguyễn Văn Đăng Khoa   |    | 12/01/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.75     | 8.25 | 5.00      | 19.00                 |
| 132 | 630132 | Nguyễn Bá Đăng Khôi    |    | 04/11/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.75     | 6.50 | 5.25      | 16.50                 |
| 133 | 630133 | Trương Đình Khôi       |    | 11/09/2010 | THCS Bàu Lâm          | 4.00     | 6.25 | 5.25      | 15.50                 |
| 134 | 630134 | Cao Hân Khôi           |    | 01/01/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 2.75     | 2.25 | 3.75      | 8.75                  |
| 135 | 630135 | Phạm Văn Khôi          |    | 24/11/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 3.75     | 2.25 | 2.00      | 8.00                  |
| 136 | 630136 | Nguyễn Anh Kiệt        |    | 24/02/2010 | THCS Tân Lâm          | 3.50     | 8.25 | 2.25      | 14.00                 |
| 137 | 630137 | Trần Đăng Kiệt         |    | 29/06/2010 | THCS Tân Lâm          | 6.50     | 9.00 | 3.25      | 18.75                 |
| 138 | 630138 | Võ Văn Tuấn Kiệt       |    | 13/10/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.50     | 9.00 | 3.00      | 17.50                 |
| 139 | 630139 | Nguyễn Thị Ngọc Lan    | x  | 28/05/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.00     | 7.50 | 7.25      | 20.75                 |
| 140 | 630140 | Trần Thị Phương Lan    | x  | 13/05/2010 | THCS Tân Lâm          | 5.00     | 8.50 | 4.75      | 18.25                 |
| 141 | 630141 | Trần Nguyên Bảo Lâm    |    | 29/05/2010 | THCS Hoà Hưng         | 4.00     | 7.00 | 3.00      | 14.00                 |
| 142 | 630142 | Nguyễn Đỗ Khánh Linh   | x  | 03/10/2010 | THCS Bàu Lâm          | 4.00     | 3.75 | 3.75      | 11.50                 |
| 143 | 630143 | Nguyễn Hoàng Nhật Linh | x  | 20/08/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.00     | 7.50 | 6.00      | 19.50                 |
| 144 | 630144 | Nguyễn Ngọc Linh       | x  | 08/01/2010 | THCS Hoà Hưng         | 3.00     | 6.50 | 2.25      | 11.75                 |
| 145 | 630145 | Nguyễn Ngọc Khánh Linh | x  | 05/03/2010 | THCS Bàu Lâm          | 7.00     | 8.25 | 8.00      | 23.25                 |
| 146 | 630146 | Trương Thị Mỹ Linh     | x  | 21/12/2010 | THCS Hoà Hưng         | 6.00     | 5.25 | 2.25      | 13.50                 |
| 147 | 630147 | Phạm Văn Linh          |    | 18/01/2010 | THCS Bàu Lâm          | 1.50     | 3.50 | 2.75      | 7.75                  |
| 148 | 630148 | Võ Hoàng Long          |    | 20/01/2010 | THCS Hoà Hưng         | 6.00     | 5.75 | 2.75      | 14.50                 |
| 149 | 630149 | Nguyễn Thiên Long      |    | 14/05/2009 | THCS ngoài tỉnh       | 2.00     | 4.50 | 2.25      | 8.75                  |
| 150 | 630150 | Bùi Văn Long           |    | 06/10/2010 | THCS Tân Lâm          | 5.00     | 8.00 | 2.50      | 15.50                 |
| 151 | 630151 | Nguyễn Mai Khương Lộc  |    | 18/04/2010 | THCS Bàu Lâm          | 7.25     | 8.25 | 5.25      | 20.75                 |
| 152 | 630152 | Lê Thị Lộc             | x  | 02/07/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 3.50     | 3.75 | 3.25      | 10.50                 |
| 153 | 630153 | Lê Hữu Lợi             |    | 04/09/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.00     | 7.25 | 6.25      | 19.50                 |
| 154 | 630154 | Nguyễn Thị Cẩm Ly      | x  | 07/08/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 7.00     | 7.00 | 5.75      | 19.75                 |
| 155 | 630155 | Nguyễn Thành Mạnh      |    | 27/10/2009 | THCS Bàu Lâm          | 5.00     | 4.50 | 4.25      | 13.75                 |
| 156 | 630156 | Nguyễn Hà Trúc Mi      | x  | 19/11/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.00     | 5.25 | 3.00      | 13.25                 |
| 157 | 630157 | Nguyễn Mai Hồng Minh   | x  | 02/06/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.50     | 8.75 | 5.50      | 18.75                 |
| 158 | 630158 | Trần Nguyễn Bình Minh  | x  | 18/11/2010 | THCS Bàu Lâm          | 7.00     | 6.25 | 6.25      | 19.50                 |
| 159 | 630159 | Lê Quang Quốc Minh     |    | 18/12/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.00     | 6.50 | 5.75      | 18.25                 |
| 160 | 630160 | Trần Thị Ánh Minh      | x  | 17/10/2010 | THCS Hoà Hưng         | 4.00     | 8.75 | 6.75      | 19.50                 |
| 161 | 630161 | Đặng Trần Bảo Minh     |    | 24/07/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.00     | 5.50 | 3.25      | 13.75                 |

| TT  | SBD    | Họ và tên               | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường       | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|-----|--------|-------------------------|----|------------|-----------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|     |        |                         |    |            |                       | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 162 | 630162 | Hoàng Văn Minh          |    | 08/11/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 3.25     | 5.25 | 3.50      | 12.00                 |
| 163 | 630163 | Nguyễn Hoàng Thảo My    | x  | 28/09/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.50     | 7.75 | 6.25      | 20.50                 |
| 164 | 630164 | Lương My My             | x  | 08/04/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.75     | 5.75 | 1.75      | 14.25                 |
| 165 | 630165 | Phạm Ngọc Khánh My      | x  | 28/11/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 3.50     | 5.00 | 5.00      | 13.50                 |
| 166 | 630166 | Lê Nguyễn Thảo My       | x  | 02/04/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.00     | 5.25 | 3.75      | 15.00                 |
| 167 | 630167 | Nguyễn Phương My        | x  | 25/08/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.00     | 8.00 | 5.25      | 18.25                 |
| 168 | 630168 | Cao Thị Trà My          | x  | 01/03/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.75     | 6.00 | 5.25      | 17.00                 |
| 169 | 630169 | Lý Thị Trà My           | x  | 30/05/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.75     | 3.00 | 2.75      | 12.50                 |
| 170 | 630170 | Nguyễn Trần Diệu My     | x  | 07/01/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 7.00     | 9.25 | 8.50      | 24.75                 |
| 171 | 630171 | Nguyễn Trần Trà My      | x  | 24/06/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 7.00     | 8.00 | 6.00      | 21.00                 |
| 172 | 630172 | Kiểm Uyên My            | x  | 13/10/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.75     | 7.00 | 4.75      | 18.50                 |
| 173 | 630173 | Nguyễn Hữu Nam          |    | 16/11/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 3.25     | 2.75 | 4.00      | 10.00                 |
| 174 | 630174 | Phan Hữu Phương Nam     |    | 31/08/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 3.75     | 6.25 | 5.00      | 15.00                 |
| 175 | 630175 | Đặng Trần Hạo Nam       |    | 11/03/2010 | THCS Hoà Hưng         | 5.75     | 7.75 | 3.75      | 18.25                 |
| 176 | 630176 | Nguyễn Thị Ngọc Nga     | x  | 17/10/2010 | THCS Bàu Lâm          | 7.75     | 7.00 | 5.25      | 20.00                 |
| 177 | 630177 | Trương Khánh Ngân       | x  | 22/10/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.25     | 8.25 | 6.75      | 21.25                 |
| 178 | 630178 | Lê Ngọc Ngân            | x  | 11/03/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.75     | 5.75 | 5.25      | 16.75                 |
| 179 | 630179 | Lê Nguyễn Kim Ngân      | x  | 26/04/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.50     | 7.50 | 6.00      | 19.00                 |
| 180 | 630180 | Nguyễn Thị Kim Ngân     | x  | 29/12/2010 | THCS Bàu Lâm          | 4.25     | 1.25 | 4.50      | 10.00                 |
| 181 | 630181 | Nguyễn Phương Nghi      | x  | 06/06/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.00     | 6.25 | 4.00      | 15.25                 |
| 182 | 630182 | Trần Đại Nghĩa          |    | 05/05/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.50     | 6.50 | 1.75      | 12.75                 |
| 183 | 630183 | Trần Bảo Ngọc           | x  | 18/04/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.75     | 1.75 | 2.50      | 10.00                 |
| 184 | 630184 | Dương Gia Bảo Ngọc      | x  | 10/10/2010 | THCS Tân Lâm          | 5.25     | 9.00 | 6.75      | 21.00                 |
| 185 | 630185 | Đoàn Hoàng Bảo Ngọc     | x  | 02/10/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.25     | 8.25 | 5.50      | 20.00                 |
| 186 | 630186 | Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc   | x  | 30/12/2010 | THCS Bàu Lâm          | 2.50     | 1.00 | 2.25      | 5.75                  |
| 187 | 630187 | Văn Phú Ngọc            | x  | 09/11/2010 | THCS Tân Lâm          | 6.50     | 7.75 | 6.50      | 21.75                 |
| 188 | 630188 | Trần Phương Khánh Ngọc  | x  | 11/02/2010 | THCS Bàu Lâm          | 4.25     | 6.00 | 3.00      | 13.25                 |
| 189 | 630189 | Lê Thị Bảo Ngọc         | x  | 03/06/2009 | THCS Tân Lâm          | 6.50     | 8.00 | 4.50      | 19.00                 |
| 190 | 630190 | Trịnh Trần Bảo Ngọc     | x  | 09/03/2010 | THCS Hoà Hưng         | 6.25     | 8.00 | 4.25      | 18.50                 |
| 191 | 630191 | Nguyễn Vũ Bảo Ngọc      | x  | 05/09/2010 | THCS Bàu Lâm          | 8.00     | 7.50 | 7.00      | 22.50                 |
| 192 | 630192 | Trần Khánh Nguyên       |    | 19/07/2008 | THCS Quang Trung (XM) | 5.75     | 6.75 | 4.75      | 17.25                 |
| 193 | 630193 | Trần Nguyễn Vĩnh Nguyên |    | 27/08/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.00     | 8.25 | 5.75      | 20.00                 |
| 194 | 630194 | Lê Viết Thảo Nguyên     | x  | 10/08/2010 | THCS Bàu Lâm          | 4.75     | 6.25 | 2.75      | 13.75                 |

| TT  | SBD    | Họ và tên              | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường       | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|-----|--------|------------------------|----|------------|-----------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|     |        |                        |    |            |                       | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 195 | 630195 | Nguyễn Hương Nhài      | x  | 15/09/2010 | THCS Tân Lâm          | 4.25     | 5.25 | 2.50      | 12.00                 |
| 196 | 630196 | Võ Thành Nhân          |    | 10/10/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.75     | 8.50 | 8.00      | 23.25                 |
| 197 | 630197 | Lê Đức Nhật            |    | 06/10/2010 | THCS Bàu Lâm          | 2.75     | 3.75 | 2.75      | 9.25                  |
| 198 | 630198 | Nguyễn Minh Nhật       |    | 15/02/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.00     | 7.75 | 4.00      | 16.75                 |
| 199 | 630199 | Nguyễn Văn Minh Nhật   |    | 24/12/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.50     | 7.00 | 4.75      | 16.25                 |
| 200 | 630200 | Ngô Hoàng Thanh Nhi    | x  | 02/09/2010 | THCS Hoà Hưng         | 6.75     | 7.25 | 5.00      | 19.00                 |
| 201 | 630201 | Võ Hoàng Uyên Nhi      | x  | 23/05/2010 | THCS Hoà Hưng         | 6.75     | 9.00 | 4.50      | 20.25                 |
| 202 | 630202 | Trần Ngọc Linh Nhi     | x  | 20/09/2010 | THCS Hoà Hưng         | 5.25     | 7.75 | 3.00      | 16.00                 |
| 203 | 630203 | Nguyễn Ngọc Thảo Nhi   | x  | 12/07/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.75     | 6.00 | 3.75      | 16.50                 |
| 204 | 630204 | Nguyễn Thanh Nhi       | x  | 19/06/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.25     | 5.25 | 2.75      | 13.25                 |
| 205 | 630205 | Nguyễn Thị Kiều Nhi    | x  | 21/10/2010 | THCS Tân Lâm          | 4.75     | 8.00 | 3.00      | 15.75                 |
| 206 | 630206 | Nguyễn Thị Linh Nhi    | x  | 08/01/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 3.75     | 5.00 | 1.75      | 10.50                 |
| 207 | 630207 | Bùi Thị Tuyết Nhi      | x  | 23/06/2010 | THCS Bàu Lâm          | 5.75     | 3.75 | 2.50      | 12.00                 |
| 208 | 630208 | Đỗ Thị Yến Nhi         | x  | 07/02/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.50     | 3.75 | 2.75      | 11.00                 |
| 209 | 630209 | Lê Thị Yến Nhi         | x  | 01/06/2010 | THCS Tân Lâm          | 5.00     | 6.25 | 1.50      | 12.75                 |
| 210 | 630210 | Nguyễn Thị Yến Nhi     | x  | 25/05/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.00     | 4.00 | 3.75      | 13.75                 |
| 211 | 630211 | Phan Thị Yến Nhi       | x  | 28/11/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.50     | 6.75 | 4.25      | 17.50                 |
| 212 | 630212 | Đinh Thùy Nhi          | x  | 12/02/2010 | THCS Hoà Hưng         | 6.25     | 4.50 | 3.00      | 13.75                 |
| 213 | 630213 | Nguyễn Võ Yến Nhi      | x  | 15/11/2010 | THCS Tân Lâm          | 5.00     | 8.75 | 5.25      | 19.00                 |
| 214 | 630214 | Đào Lê Khánh Nhiên     |    | 31/01/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.50     | 8.00 | 4.25      | 17.75                 |
| 215 | 630215 | Đào Thị Hồng Nhung     | x  | 30/09/2010 | THCS Tân Lâm          | 6.50     | 8.75 | 5.25      | 20.50                 |
| 216 | 630216 | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | x  | 07/03/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.75     | 6.75 | 6.25      | 18.75                 |
| 217 | 630217 | Phan Lê Quỳnh Như      | x  | 10/10/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.50     | 8.50 | 4.25      | 19.25                 |
| 218 | 630218 | Nguyễn Ngọc Quỳnh Như  | x  | 04/05/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.50     | 7.50 | 6.25      | 19.25                 |
| 219 | 630219 | Trần Ngọc Quỳnh Như    | x  | 26/10/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 3.50     | 3.50 | 3.00      | 10.00                 |
| 220 | 630220 | Cái Thị Quỳnh Như      | x  | 14/12/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.00     | 6.00 | 5.00      | 17.00                 |
| 221 | 630221 | Võ Thị Yến Như         | x  | 17/08/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 1.00     | 2.25 | 3.50      | 6.75                  |
| 222 | 630222 | Trần Hà Kiều Oanh      | x  | 06/10/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.75     | 5.50 | 3.75      | 14.00                 |
| 223 | 630223 | Nguyễn Ngọc Kiều Oanh  | x  | 20/12/2009 | THCS Quang Trung (XM) | 5.75     | 5.50 | 4.00      | 15.25                 |
| 224 | 630224 | Bạch Thị Kiều Oanh     | x  | 01/07/2010 | THCS Tân Lâm          | 3.50     | 8.25 | 2.00      | 13.75                 |
| 225 | 630225 | Trần Thị Ngọc Oanh     | x  | 29/01/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.00     | 5.25 | 5.25      | 16.50                 |
| 226 | 630226 | Văn Thị Phương Oanh    | x  | 12/04/2010 | THCS Bàu Lâm          | 4.25     | 4.00 | 2.50      | 10.75                 |
| 227 | 630227 | Phan Ngọc Phát         |    | 21/08/2009 | THCS Quang Trung (XM) | 4.25     | 7.25 | 2.25      | 13.75                 |

| TT  | SBD    | Họ và tên             | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường       | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|-----|--------|-----------------------|----|------------|-----------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|     |        |                       |    |            |                       | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 228 | 630228 | Vương Nhuận Phát      |    | 04/10/2010 | THCS Hoà Hưng         | 4.25     | 7.75 | 5.00      | 17.00                 |
| 229 | 630229 | Nguyễn Thắng Phát     |    | 11/05/2010 | THCS Bàu Lâm          | 3.75     | 2.75 | 2.25      | 8.75                  |
| 230 | 630230 | Đặng Trần Ngọc Phát   |    | 18/09/2010 | THCS Hoà Hưng         | 6.25     | 7.75 | 4.00      | 18.00                 |
| 231 | 630231 | Nguyễn Văn Phát       |    | 10/11/2010 | THCS Bàu Lâm          |          |      |           | 0.00                  |
| 232 | 630232 | Trần Anh Phi          |    | 26/01/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.75     | 7.00 | 8.50      | 22.25                 |
| 233 | 630233 | Phan Nguyễn Lâm Phong |    | 12/12/2010 | THCS Tân Lâm          | 4.75     | 6.50 | 5.50      | 16.75                 |
| 234 | 630234 | Nguyễn Viết Phong     |    | 13/09/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 3.50     | 4.75 | 4.75      | 13.00                 |
| 235 | 630235 | Đặng Cẩm Phú          |    | 03/02/2010 | THCS Tân Lâm          | 5.00     | 8.25 | 7.00      | 20.25                 |
| 236 | 630236 | Trần Ngọc Phú         |    | 05/11/2010 | THCS Bàu Lâm          | 1.75     | 1.25 | 1.75      | 4.75                  |
| 237 | 630237 | Lê Anh Phúc           |    | 19/09/2010 | THCS Bàu Lâm          | 4.00     | 3.75 | 3.00      | 10.75                 |
| 238 | 630238 | Nguyễn Duy Phúc       |    | 09/12/2009 | THCS Bàu Lâm          | 3.25     | 2.50 | 2.75      | 8.50                  |
| 239 | 630239 | Phù Quan Phúc         |    | 11/06/2010 | THCS Tân Lâm          | 3.75     | 4.50 | 2.75      | 11.00                 |
| 240 | 630240 | Đỗ Thị Cẩm Phúc       | x  | 08/02/2010 | THCS Tân Lâm          | 6.00     | 9.00 | 6.50      | 21.50                 |
| 241 | 630241 | Nguyễn Văn Phúc       |    | 08/06/2010 | THCS Tân Lâm          | 4.00     | 5.50 | 3.00      | 12.50                 |
| 242 | 630242 | Lê Ngọc Phương        |    | 02/08/2010 | THCS Tân Lâm          | 4.50     | 6.75 | 1.50      | 12.75                 |
| 243 | 630243 | Lưu Ngọc Phương       | x  | 19/08/2010 | THCS Tân Lâm          | 7.00     | 6.50 | 3.50      | 18.00                 |
| 244 | 630244 | Lê Thị Hoài Phương    | x  | 03/03/2010 | THCS Tân Lâm          | 7.75     | 8.25 | 6.00      | 22.00                 |
| 245 | 630245 | Lê Thị Hoài Phương    | x  | 09/03/2010 | THCS Bàu Lâm          | 7.00     | 5.50 | 3.75      | 16.25                 |
| 246 | 630246 | Hoàng Thị Trúc Phương | x  | 12/07/2010 | THCS Tân Lâm          | 5.50     | 5.00 | 2.25      | 12.75                 |
| 247 | 630247 | Trần Thị Uyên Phương  | x  | 04/09/2009 | THCS Bàu Lâm          | 6.25     | 5.25 | 3.25      | 14.75                 |
| 248 | 630248 | Hoàng Thị Yến Phương  | x  | 12/04/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.00     | 6.25 | 3.75      | 16.00                 |
| 249 | 630249 | Nguyễn Viết Phước     |    | 09/08/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.25     | 8.25 | 8.50      | 21.00                 |
| 250 | 630250 | Võ Minh Quân          |    | 06/02/2009 | THCS Hoà Hưng         | 5.00     | 6.50 | 1.75      | 13.25                 |
| 251 | 630251 | Sầm Nguyễn Gia Quân   |    | 02/02/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 2.50     | 1.75 | 3.00      | 7.25                  |
| 252 | 630252 | Nguyễn Anh Quốc       |    | 05/11/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.25     | 8.75 | 5.50      | 19.50                 |
| 253 | 630253 | Lê Sĩ Quyết           |    | 02/08/2010 | THCS Hoà Hưng         | 6.25     | 8.25 | 4.50      | 19.00                 |
| 254 | 630254 | Lý Ngọc Quỳnh         | x  | 17/11/2010 | THCS Hoà Hưng         | 5.25     | 4.25 | 2.00      | 12.50                 |
| 255 | 630255 | Nguyễn Như Quỳnh      | x  | 05/10/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.50     | 6.75 | 3.25      | 15.50                 |
| 256 | 630256 | Lê Văn Quý            |    | 02/11/2010 | THCS Hoà Hưng         | 5.75     | 4.50 | 2.25      | 12.50                 |
| 257 | 630257 | Nguyễn Trường Sinh    |    | 23/10/2010 | THCS Hoà Hưng         | 7.50     | 8.75 | 5.75      | 22.00                 |
| 258 | 630258 | Phạm Cao Sơn          |    | 06/10/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.75     | 7.00 | 3.00      | 15.75                 |
| 259 | 630259 | Nguyễn Thanh Sơn      |    | 15/11/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.00     | 8.25 | 5.50      | 19.75                 |
| 260 | 630260 | Lê Thị Tuyết Sương    | x  | 29/03/2010 | THCS Hoà Hưng         | 7.25     | 7.75 | 4.75      | 19.75                 |



| TT  | SBD    | Họ và tên             | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường       | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|-----|--------|-----------------------|----|------------|-----------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|     |        |                       |    |            |                       | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 261 | 630261 | Ngô Thanh Tài         |    | 31/01/2010 | THCS Bàu Lâm          |          |      |           | 0.00                  |
| 262 | 630262 | Nguyễn Chí Thanh      |    | 16/01/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.25     | 8.25 | 4.25      | 18.75                 |
| 263 | 630263 | Huỳnh Nhật Mai Thanh  | x  | 24/03/2010 | THCS Tân Lâm          | 6.50     | 5.00 | 1.50      | 13.00                 |
| 264 | 630264 | Hà Phú Thành          |    | 09/09/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 3.50     | 2.75 | 2.50      | 8.75                  |
| 265 | 630265 | Ngô Tấn Thành         |    | 22/11/2009 | THCS Quang Trung (XM) | 4.50     | 7.75 | 5.00      | 17.25                 |
| 266 | 630266 | Nguyễn Viết Thành     |    | 22/04/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.50     | 8.00 | 6.00      | 18.50                 |
| 267 | 630267 | Lê Nguyên Thảo        | x  | 29/04/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.25     | 8.00 | 4.75      | 19.00                 |
| 268 | 630268 | Phạm Phương Thảo      | x  | 21/11/2010 | THCS Hoà Hưng         | 7.50     | 8.75 | 4.00      | 20.25                 |
| 269 | 630269 | Lý Thị Thanh Thảo     | x  | 31/05/2010 | THCS Bàu Lâm          |          |      |           | 1.00                  |
| 270 | 630270 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | x  | 28/12/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.50     | 5.75 | 3.50      | 15.75                 |
| 271 | 630271 | Đỗ Thu Thảo           | x  | 10/02/2010 | THCS Bàu Lâm          | 5.75     | 5.75 | 4.25      | 15.75                 |
| 272 | 630272 | Nguyễn Duy Thắng      |    | 02/04/2010 | THCS Bàu Lâm          | 5.00     | 7.25 | 4.75      | 17.00                 |
| 273 | 630273 | Lê Văn Quyết Thắng    |    | 27/12/2010 | THCS Bàu Lâm          | 3.50     | 2.00 | 3.50      | 9.00                  |
| 274 | 630274 | Lý Bảo Thiên          |    | 12/10/2010 | THCS Bàu Lâm          | 1.50     | 1.00 | 3.25      | 5.75                  |
| 275 | 630275 | Trần Hào Triều Thiên  |    | 07/06/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.00     | 7.25 | 4.25      | 17.50                 |
| 276 | 630276 | Dương Văn Thiện       |    | 16/09/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.00     | 7.25 | 2.25      | 15.50                 |
| 277 | 630277 | Cáp Thịnh             |    | 27/09/2010 | THCS Bàu Lâm          | 2.75     | 2.25 | 2.50      | 7.50                  |
| 278 | 630278 | Đặng Hưng Thịnh       |    | 12/05/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.50     | 8.25 | 5.00      | 18.75                 |
| 279 | 630279 | Lê Phước Thịnh        |    | 07/11/2010 | THCS Bàu Lâm          | 5.50     | 8.25 | 5.75      | 19.50                 |
| 280 | 630280 | Nguyễn Minh Thuận     |    | 14/07/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.50     | 6.00 | 3.50      | 16.00                 |
| 281 | 630281 | Nguyễn Thị Thùy       | x  | 18/07/2008 | THCS Hoà Hưng         |          |      |           | 0.00                  |
| 282 | 630282 | Lê Thị Kim Thùy       | x  | 19/04/2010 | THCS Hoà Hưng         | 5.75     | 8.00 | 3.25      | 17.00                 |
| 283 | 630283 | Vũ Ngọc Thùy          | x  | 11/02/2010 | THCS Tân Lâm          | 7.00     | 8.75 | 4.50      | 20.25                 |
| 284 | 630284 | Hà Anh Thư            | x  | 16/06/2010 | THCS Tân Lâm          | 6.00     | 7.50 | 2.75      | 16.25                 |
| 285 | 630285 | Trần Lê Anh Thư       | x  | 29/05/2010 | THCS Bàu Lâm          | 4.75     | 1.75 | 3.75      | 10.25                 |
| 286 | 630286 | Đoàn Lê Minh Thư      | x  | 27/03/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.00     | 7.25 | 6.75      | 19.00                 |
| 287 | 630287 | Nguyễn Ngọc Anh Thư   | x  | 12/08/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.00     | 6.50 | 4.75      | 16.25                 |
| 288 | 630288 | Nguyễn Ngọc Anh Thư   | x  | 16/05/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.75     | 7.75 | 6.00      | 20.50                 |
| 289 | 630289 | Phạm Ngọc Quỳnh Thư   | x  | 04/07/2010 | THCS Tân Lâm          | 4.50     | 4.25 | 2.75      | 11.50                 |
| 290 | 630290 | Nguyễn Thị Anh Thư    | x  | 26/08/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.00     | 5.75 | 4.50      | 15.25                 |
| 291 | 630291 | Lê Thị Kim Thư        | x  | 08/06/2009 | THCS Tân Lâm          | 4.75     | 6.25 | 3.25      | 14.25                 |
| 292 | 630292 | Nguyễn Trần Anh Thư   | x  | 25/09/2010 | THCS Hoà Hưng         | 4.75     | 6.00 | 2.50      | 13.25                 |
| 293 | 630293 | Đào Trần Hoài Thương  | x  | 18/02/2010 | THCS Bàu Lâm          | 8.00     | 9.00 | 8.25      | 25.25                 |

| TT  | SBD    | Họ và tên             | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường       | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|-----|--------|-----------------------|----|------------|-----------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|     |        |                       |    |            |                       | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 294 | 630294 | Trần Thị Bảo Thy      | x  | 03/03/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.25     | 8.50 | 6.25      | 21.00                 |
| 295 | 630295 | Trần Tiến             |    | 25/08/2010 | THCS Hoà Hưng         | 5.00     | 5.00 | 1.75      | 12.75                 |
| 296 | 630296 | Trần Đình Tiến        |    | 21/07/2010 | THCS Hoà Hưng         | 4.50     | 6.50 | 2.50      | 13.50                 |
| 297 | 630297 | Nguyễn Hoàng Tiến     |    | 20/06/2010 | THCS Hoà Hưng         | 6.00     | 7.75 | 5.25      | 19.00                 |
| 298 | 630298 | Trần Quang Tiến       |    | 12/04/2009 | THCS Tân Lâm          | 4.50     | 2.25 | 0.75      | 7.50                  |
| 299 | 630299 | Lê Văn Minh Tiến      |    | 10/04/2010 | THCS Bàu Lâm          | 2.00     | 2.50 | 1.50      | 6.00                  |
| 300 | 630300 | Lê Kiều Yến Trang     | x  | 25/04/2010 | THCS Tân Lâm          | 4.25     | 4.50 | 3.75      | 12.50                 |
| 301 | 630301 | Võ Ngọc Thanh Trang   | x  | 11/10/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.25     | 4.50 | 3.50      | 14.25                 |
| 302 | 630302 | Minh Ngọc Thùy Trang  | x  | 11/08/2010 | THCS Hoà Hưng         | 7.00     | 7.00 | 5.25      | 19.25                 |
| 303 | 630303 | Bùi Phạm Huỳnh Trang  | x  | 13/02/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 2.75     | 3.50 | 2.75      | 9.00                  |
| 304 | 630304 | Lê Thị Huyền Trang    | x  | 09/04/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.25     | 6.75 | 5.50      | 18.50                 |
| 305 | 630305 | Hoàng Ngọc Bảo Trâm   | x  | 26/03/2010 | THCS Hoà Hưng         | 8.25     | 9.00 | 9.25      | 26.50                 |
| 306 | 630306 | Huỳnh Thị Bích Trâm   | x  | 28/02/2010 | THCS Bàu Lâm          | 7.00     | 3.50 | 3.75      | 14.25                 |
| 307 | 630307 | Lê Thị Thùy Trâm      | x  | 08/08/2010 | THCS Bàu Lâm          | 3.50     | 3.00 | 3.00      | 9.50                  |
| 308 | 630308 | Nguyễn Thị Yến Trâm   | x  | 19/06/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.50     | 6.00 | 3.25      | 13.75                 |
| 309 | 630309 | Lê Hoàng Bảo Trân     | x  | 08/06/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 3.50     | 5.50 | 3.75      | 12.75                 |
| 310 | 630310 | Nguyễn Thị Huyền Trân | x  | 26/05/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.25     | 3.00 | 4.00      | 11.25                 |
| 311 | 630311 | Lê Thanh Minh Triết   |    | 21/05/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.50     | 8.25 | 2.50      | 15.25                 |
| 312 | 630312 | Lê Thị Ái Trinh       | x  | 20/04/2010 | THCS Hoà Hưng         | 2.25     | 3.00 | 0.75      | 6.00                  |
| 313 | 630313 | Hoàng Thị Lan Trinh   | x  | 09/09/2010 | THCS Tân Lâm          | 4.25     | 4.00 | 2.50      | 10.75                 |
| 314 | 630314 | Lê Thị Phương Trinh   | x  | 21/01/2010 | THCS Tân Lâm          | 4.25     | 7.75 | 3.00      | 15.00                 |
| 315 | 630315 | Nguyễn Thị Thùy Trinh | x  | 13/06/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.25     | 7.75 | 4.25      | 18.25                 |
| 316 | 630316 | Hoàng Minh Trí        |    | 06/12/2009 | THCS Quang Trung (XM) | 2.50     | 2.75 | 1.00      | 6.25                  |
| 317 | 630317 | Trần Minh Trí         |    | 12/11/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 3.50     | 5.00 | 2.75      | 11.25                 |
| 318 | 630318 | Trương Minh Trí       |    | 25/03/2010 | THCS Tân Lâm          | 3.25     | 7.50 | 3.00      | 13.75                 |
| 319 | 630319 | Trương Xuân Trí       |    | 10/07/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 2.50     | 4.75 | 2.50      | 9.75                  |
| 320 | 630320 | Hoàng Trọng           |    | 22/11/2010 | THCS Tân Lâm          | 5.50     | 8.25 | 3.00      | 16.75                 |
| 321 | 630321 | Lý Hiếu Trọng         |    | 29/01/2010 | THCS Bàu Lâm          | 1.75     | 2.50 | 2.00      | 6.25                  |
| 322 | 630322 | Nguyễn Tấn Trung      |    | 13/08/2010 | THCS Hoà Hưng         | 3.75     | 5.75 | 3.25      | 12.75                 |
| 323 | 630323 | Trần Hà Thanh Trúc    | x  | 28/08/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.50     | 8.25 | 4.75      | 18.50                 |
| 324 | 630324 | Bùi Lê Dịu Trúc       | x  | 19/05/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 3.50     | 4.25 | 3.00      | 10.75                 |
| 325 | 630325 | Chu Mạnh Trường       |    | 11/12/2010 | THCS Bàu Lâm          | 5.25     | 7.50 | 5.75      | 18.50                 |
| 326 | 630326 | Phan Nhật Trường      |    | 21/11/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 2.75     | 2.00 | 1.50      | 6.25                  |

| TT  | SBD    | Họ và tên              | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường       | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|-----|--------|------------------------|----|------------|-----------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|     |        |                        |    |            |                       | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 327 | 630327 | Vũ Thiên Trường        |    | 27/11/2009 | THCS Bàu Lâm          | 2.25     | 2.50 | 1.75      | 6.50                  |
| 328 | 630328 | Huỳnh Anh Tuấn         |    | 07/05/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.00     | 3.50 | 2.25      | 10.75                 |
| 329 | 630329 | Nguyễn Anh Tuấn        |    | 02/02/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 6.00     | 9.00 | 3.00      | 18.00                 |
| 330 | 630330 | Phan Anh Tuấn          |    | 10/12/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 1.50     | 2.50 | 2.75      | 6.75                  |
| 331 | 630331 | Nguyễn Thanh Tuấn      |    | 14/10/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 2.75     | 8.50 | 7.25      | 18.50                 |
| 332 | 630332 | Phan Văn Tuấn          |    | 17/05/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.25     | 3.00 | 2.00      | 9.25                  |
| 333 | 630333 | Nguyễn Thị Thanh Tuyền | x  | 18/12/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 3.50     | 5.50 | 4.25      | 13.25                 |
| 334 | 630334 | Phạm Ngọc Tuyết        | x  | 15/10/2010 | THCS Hoà Hưng         | 2.50     | 5.25 | 2.00      | 9.75                  |
| 335 | 630335 | Nguyễn Anh Tùng        |    | 02/06/2010 | THCS Chu Văn An (XM)  | 5.25     | 6.50 | 3.75      | 15.50                 |
| 336 | 630336 | Phan Đình Tùng         |    | 11/11/2010 | THCS Bàu Lâm          | 3.75     | 4.75 | 4.00      | 12.50                 |
| 337 | 630337 | Nguyễn Hoài Cẩm Tú     | x  | 10/09/2010 | THCS Tân Lâm          | 4.50     | 4.75 | 2.25      | 11.50                 |
| 338 | 630338 | Trần Thị Khả Tú        | x  | 29/05/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.25     | 5.50 | 4.75      | 16.50                 |
| 339 | 630339 | Phạm Hồ Bảo Uyên       | x  | 17/05/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 7.00     | 7.25 | 4.00      | 18.25                 |
| 340 | 630340 | Nguyễn Ngọc Bảo Uyên   | x  | 22/01/2010 | THCS Hoà Hưng         | 7.00     | 7.75 | 4.00      | 18.75                 |
| 341 | 630341 | Phan Thị Mỹ Uyên       | x  | 02/06/2010 | THCS Tân Lâm          | 5.25     | 7.75 | 5.75      | 18.75                 |
| 342 | 630342 | Nguyễn Thị Thảo Vi     | x  | 30/11/2010 | THCS Tân Lâm          | 2.75     | 6.00 | 1.75      | 10.50                 |
| 343 | 630343 | Nguyễn Thị Tường Vi    | x  | 09/05/2010 | THCS Hoà Hưng         | 6.75     | 8.75 | 3.50      | 19.00                 |
| 344 | 630344 | Đường Thúy Vi          | x  | 28/02/2010 | THCS Tân Lâm          | 4.25     | 8.50 | 5.25      | 19.00                 |
| 345 | 630345 | Trần Quốc Việt         |    | 07/09/2010 | THCS Hoà Hưng         | 4.25     | 7.75 | 2.00      | 14.00                 |
| 346 | 630346 | Dương Nguyễn Phú Vinh  |    | 20/10/2009 | THCS Quang Trung (XM) | 4.25     | 6.00 | 3.50      | 13.75                 |
| 347 | 630347 | Nguyễn Hoàng Vũ        |    | 05/02/2010 | THCS Tân Lâm          | 3.75     | 3.25 | 2.25      | 9.25                  |
| 348 | 630348 | Nguyễn Khánh Vy        | x  | 25/09/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.25     | 7.00 | 5.50      | 17.75                 |
| 349 | 630349 | Phạm Mỹ Yến Vy         | x  | 31/03/2010 | THCS Hoà Hưng         | 4.75     | 6.75 | 3.25      | 14.75                 |
| 350 | 630350 | Nguyễn Nhật Tường Vy   | x  | 06/06/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.75     | 8.00 | 8.00      | 20.75                 |
| 351 | 630351 | Nguyễn Phạm Quỳnh Vy   | x  | 18/03/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 2.25     | 3.00 | 3.75      | 9.00                  |
| 352 | 630352 | Lê Thảo Vy             | x  | 16/03/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.75     | 8.00 | 7.50      | 21.25                 |
| 353 | 630353 | Nguyễn Thị Hà Vy       | x  | 21/10/2010 | THCS Bàu Lâm          | 5.00     | 7.00 | 3.50      | 15.50                 |
| 354 | 630354 | Hồ Thị Kiều Vy         | x  | 05/04/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.00     | 7.75 | 5.00      | 17.75                 |
| 355 | 630355 | Hồ Thị Trường Vy       | x  | 02/11/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 4.00     | 3.50 | 5.25      | 12.75                 |
| 356 | 630356 | Nguyễn Tường Vy        | x  | 30/06/2010 | THCS Hoà Hưng         | 2.00     | 2.75 | 2.25      | 7.00                  |
| 357 | 630357 | Nguyễn Võ Tường Vy     | x  | 06/11/2010 | THCS Hoà Hưng         | 3.75     | 6.25 | 2.00      | 12.00                 |
| 358 | 630358 | Dương Tịnh Yên         | x  | 13/02/2010 | THCS Chu Văn An (XM)  | 7.50     | 8.75 | 7.25      | 23.50                 |
| 359 | 630359 | Nguyễn Đăng Hải Yến    | x  | 09/09/2010 | THCS Bàu Lâm          | 5.00     | 6.25 | 5.50      | 16.75                 |

| TT  | SBD    | Họ và tên          | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường       | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|-----|--------|--------------------|----|------------|-----------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|     |        |                    |    |            |                       | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 360 | 630360 | Nguyễn Hải Yến     | x  | 28/07/2010 | THCS Bàu Lâm          | 4.75     | 3.25 | 2.50      | 10.50                 |
| 361 | 630361 | Hồ Thị Hoàng Yến   | x  | 01/01/2010 | THCS Hoà Hưng         | 1.75     | 3.50 | 3.25      | 8.50                  |
| 362 | 630362 | Hoàng Thị Ngọc Yến | x  | 28/05/2010 | THCS Bàu Lâm          | 6.00     | 6.75 | 5.25      | 18.00                 |
| 363 | 630363 | Đường Ngọc Như Ý   | x  | 07/03/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 5.75     | 7.00 | 4.50      | 17.25                 |
| 364 | 630364 | Mai Ngọc Như Ý     | x  | 25/06/2010 | THCS Tân Lâm          | 3.00     | 3.75 | 2.50      | 9.25                  |
| 365 | 630365 | Phạm Ngọc Như Ý    | x  | 20/09/2010 | THCS Bàu Lâm          | 4.00     | 6.25 | 4.50      | 14.75                 |
| 366 | 630366 | Hồ Thị Như Ý       | x  | 21/10/2010 | THCS Hoà Hưng         | 4.25     | 5.75 | 3.25      | 13.25                 |
| 367 | 630367 | Nguyễn Thy Thiên Ý | x  | 24/10/2010 | THCS Quang Trung (XM) | 2.50     | 3.75 | 4.25      | 10.50                 |

*Bảng này có 367 thí sinh. Có 362 thí sinh dự thi đủ môn.*

*\* Tổng điểm xét tuyển THPT đã bao gồm điểm ưu tiên, khuyến khích./.*